| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔ LƯƠNG**<br>TỈNH NGHỆ AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày 21 – 9 – 2023
"V/v kiện đòi nợ"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Nhàn.
- Ông Nguyễn Văn Đương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/9/2023, 21/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Kiện đòi nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Bá Q. Sinh năm 195x. Địa chỉ: Xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Đào Tất M. Sinh năm 197x. Địa chỉ: Xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa (Vắng mặt khi tuyên án).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1. Bà Đào Thị T1. Sinh năm 196x. Địa chỉ xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị T1: Ông Phạm Bá Q. Sinh năm 195x. Địa chỉ xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị M1. Sinh năm 197x. Địa chỉ xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* 1. Ông Nguyễn Đình C. Sinh năm 196x. Địa chỉ xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Đào Tất Nh. Sinh năm 195x. Địa chỉ xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Hữu C1. Sinh năm 196x. Địa chỉ xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*** Năm 2016, ông Đào Tất M có nhiều lần vay

tiền của vợ chồng tôi Phạm Bá Q – Đào Thị T1 nhưng hiện nay còn có 02 khoản tiền vay chưa trả hết, cụ thể là:

+ Ngày 11/4/2016 âm lịch, ông Đào Tất M vay số tiền 8.500.000 (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng) của vợ chồng tôi Phạm Bá Q – Đào Thị T1, lãi suất là 1,5%/tháng; hẹn 02 tháng (kể từ ngày vay) sẽ trả cả gốc và lãi. Việc vay tiền và giao nhận tiền giữa hai bên là tại nhà vợ chồng ông Q – bà T; hai bên có viết giấy vay mượn tiền tại sổ ghi của ông Phạm Bá Q. Tại giấy vay tiền thì ông Q là người viết có nội dung như sau: *"Ô Đào Tất M vay tiếp (hẹn 2 tháng). 11/4-2016, Ô Mười vay 8.500.000đ (Tám triệu rưỡi), lãi 1,5%/tháng"*. Phía dưới nội dung nêu trên có chữ ký chữ viết *"Đào Tất M"* là của ông Đào Tất M. Sau khi hai bên giao nhận tiền mặt cho nhau và không lập thành văn bản giao nhận tiền mặt

+ Ngày 21/5/2016 âm lịch, ông Đào Tất M tiếp tục vay số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng của vợ chồng ông Phạm Bá Q – bà Đào Thị T1, lãi suất là 1,5%/tháng và hẹn sau 2 tháng sẽ trả cả gốc lẫn lãi suất. Việc vay tiền và giao nhận tiền giữa hai bên là tại nhà vợ chồng ông Q – bà T; hai bên có viết giấy vay mượn tiền tại sổ ghi của ông Phạm Bá Q. Tại giấy vay tiền thì ông Q là người viết có nội dung như sau: *"21/5-2016, Ô Mười vay tiếp 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng; lãi 1,5%"*. Phía dưới nội dung nêu trên có chữ ký chữ viết *"Đào Tất M"* là của ông Đào Tất M. Sau khi hai bên giao nhận tiền mặt cho nhau và không lập thành văn bản giao nhận tiền mặt

Từ khi vay cho đến nay, ông Đào Tất M chưa trả được được đồng nào tiền lãi suất đối với 02 khoản tiền vay ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch. Ông Đào Tất M đã trả tiền nợ gốc 03 lần, cụ thể là:

+ Ngày 02/12/2016 âm lịch, ông Đào Tất M trả tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng), số tiền nay là ông Phạm Bá Q tính trừ tiền đổ đất, do ông Đào Tất M đổ đất vào ao nhà của ông Phạm Bá Q. Vì ông M còn đang nợ tiền vay nêu trên nên ông Q tính trừ vào tiền nợ gốc. Ông Q tính tổng số tiền vay 02 lần (ngày 11/4/2016 âm lịch và ngày 21/5/2016 âm lịch) mà ông M đang còn nợ là 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận khấu trừ 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền đổ đất vào số tiền vay nợ gốc nên tính từ ngày 02/12/2016 âm lịch thì ông M còn nợ gốc của 02 khoản là 33.500.000 (Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không có người chứng kiến. Sau đó ông Q ghi vào trong sổ để ghi nhớ việc ông M đã trả số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng này cho 02 khoản nợ nêu trên. Trong sổ của ông Q có ghi: *"2/12-2016 trả 10.000.000đ (tiền gốc) trừ tiền đổ đất"*.

+ Ngày 26/6/2017 âm lịch, tại nhà ông Đào Tất M đã trả tiền mặt là 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho ông Phạm Bá Q. Số tiền này ông Q và ông M thỏa thuận khấu trừ vào tiền nợ gốc nên sau khi trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền nợ gốc thì ông M còn nợ ông Q – bà T1 số tiền gốc còn lại đối với 02 khoản tiền vay nêu trên là 23.500.000 (Hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không có người chứng kiến. Hai bên giao tiền mặt cho nhau, không lập thành văn bản, không có người chứng kiến nhưng ông Q ghi vào sổ của ông Q để ghi nhớ việc ông M đã trả số tiền này, trong sổ có ghi: *"26/6-2017 trả 10.000.000đ (tại nhà)"*.

+ Tháng 10/2018 âm lịch (Ông Phạm Bá Q không nhớ ngày), ông Đào Tất M chở vật liệu xây dựng cho gia đình ông Q – bà T1 nên ông Q đã trừ tiền vật liệu xây dựng vào tiền mà ông M đang còn nợ đối với 02 khoản tiền nêu trên; hai bên thỏa thuận bằng miệng số tiền vật liệu xây dựng mà ông M đổ cho ông Q có giá trị là 16.010.000 (Mười sáu triệu, không trăm mười nghìn) đồng và ông Q khấu trừ số tiền này vào tiền nợ gốc mà ông M còn đang nợ là 23.500.000 (Hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng nên sau khi khấu trừ số tiền này thì ông M đang còn nợ ông Q – bà T1 số tiền nợ gốc còn lại là 7.490.000 (Bảy triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn) đồng.

Như vậy tính từ khi vay tiền cho đến nay, ông Đào Tất M đã trả cho ông Phạm Bá Q – bà Đào Thị T1 số tiền nợ gốc là 36.010.000 (Ba mươi sáu triệu, không trăm mười nghìn) đồng, nên hiện nay đang còn nợ số tiền gốc của hai khoản tiền vay là 7.490.000 (Bảy triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn) đồng.

Ông Phạm Bá Q và bà Đào Thị T1 tổ chức đám cưới năm 1988. Từ khi tổ chức đám cưới đến nay ông Phạm Bá Q và bà Đào Thị T1 chung sống với nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng là tiền của vợ chồng ông Phạm Bá Q – bà Đào Thị T1 tích góp mà có. Việc ông Phạm Bá Q cho ông Đào Tất M vay số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng vào các ngày 11/4/2016 âm lịch, 21/5/2016 âm lịch và việc trả tiền của ông M đối với các khoản vay đó, ông Q có trao đổi và nói cho vợ là bà Đào Thị T1 được biết. Các giao dịch cho vay tiền và nhận tiền trả, khấu trừ tiền vay của ông Đào Tất M thì đều do ông Phạm Bá Q thực hiện.

Ông Phạm Bá Q làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Đào Tất M trả số tiền nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông Phạm Bá Q – bà Đào Thị T1 là 7.490.000 (Bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng tiền nợ gốc còn lại và 20.087.000 (Hai mươi triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tiền lãi suất (Tiền lãi suất tính đến ngày nạp đơn khởi kiện là ngày 10/4/2023), tổng cộng là 27.577.000 (Hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

***Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*** Ông Đào Tất M đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả tiền vay và lãi suất đối với số tiền vay trong các ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch,

Ông Đào Tất M vay số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng vào các ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch của ông Phạm Bá Q là để sử dụng vào mục đích đầu tư kinh doanh của vợ chồng ông Đào Tất M – bà Nguyễn Thị M1.

Từ khi vay cho đến nay, ông Đào Tất M đã 04 lần trả tiền nợ gốc, lãi suất, cụ thể là:

+ Ngày 02/12/2016 âm lịch, ông Đào Tất M trả tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng), số tiền nay là ông Phạm Bá Q tính trừ tiền đổ đất mà ông Đào Tất M đổ đất vào ao cho gia đình ông Phạm Bá Q. Ông Q tính tổng số tiền mà ông M vay 02 lần (ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch) là 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng nên ông Q và ông M thống nhất thỏa thuận khấu trừ 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền đổ đất vào số tiền vay nợ gốc nên tính từ ngày 02/12/2016 âm lịch ông M còn nợ gốc

của 02 khoản là 33.500.000 (Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không có người chứng kiến. Sau đó ông Q ghi vào trong sổ để ghi nhớ việc ông M đã trả số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng này cho 02 khoản nợ nêu trên. Trong sổ của ông Q có ghi: *"2/12-2016 trả 10.000.000đ (tiền gốc) trừ tiền đổ đất"*.

+ Ngày 10/12/2016 âm lịch, ông Đào Tất M trả tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho ông Phạm Bá Q, việc trả tiền này là tại nhà ông Phạm Bá Q; ông Đào Tất M là người trực tiếp trả tiền mặt cho ông Phạm Bá Q. Việc giao nhận tiền này giữa 02 bên không lập thành văn bản, không có người chứng kiến, chỉ giao tiền mặt cho nhau.

+ Tháng 9/2016 âm lịch (ông Đào Tất M không nhớ ngày), ông Đào Tất M chở vật liệu xây dựng cho gia đình ông Q – bà T1 nên ông Q đã trừ tiền vật liệu xây dựng vào tiền mà ông M đang còn nợ đối với 02 khoản tiền nêu trên; hai bên thỏa thuận bằng miệng số tiền vật liệu xây dựng mà ông M đổ cho ông Q có giá trị là 17.570.000 (Mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn) đồng và trừ vào số tiền nợ gốc. Do đó còn nợ số tiền gốc còn lại là 5.930.000 (Năm triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng. Còn việc ông Phạm Bá Q nói rằng số tiền vật liệu xây dựng mà ông Đào Tất M đổ cho ông Q có giá trị là 16.010.000 (Mười sáu triệu, không trăm mười nghìn) đồng là không đúng. Nhưng tại phiên tòa ông Đào Tất M đồng ý khấu trừ số tiền 16.010.000 (Mười sáu triệu, không trăm mười nghìn) đồng.

+ Ngày 26/6/2017 âm lịch, tại nhà ông Đào Tất M, ông M đã trả tiền mặt là 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho ông Phạm Bá Q. Lần này ông Phạm Bá Q sau khi tính toán số tiền lãi và nợ gốc còn lại là 14.270.000 (Mười bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng. Nên ông Đào Tất M đã trả số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi tổng cộng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng và còn nợ số tiền lãi suất là 4.270.000 (Bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản nhưng có người chứng kiến sự việc đó là ông Nguyễn Hữu C1, ông Nguyễn Đình C (Đều có địa chỉ tại xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An), ông Đào Tất Nh (địa chỉ tại xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An).

Ông Đào Tất M và bà Nguyễn Thị M1 tổ chức đám cưới năm 1989. Từ khi tổ chức đám cưới năm 1989 đến nay, ông Đào Tất M và bà Nguyễn Thị M1 chung sống với nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc ông Đào Tất M vay số tiền 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) vào các ngày 11/4/2016 âm lịch, 21/5/2016 âm lịch và việc trả tiền của ông M đối với các khoản vay đó thì ông Đào Tất M có trao đổi và nói cho vợ là bà Nguyễn Thị M1 được biết. Các giao dịch cho vay tiền và nhận tiền trả, khấu trừ tiền vay đều do ông Đào Tất M trực tiếp thực hiện với ông Phạm Bá Q.

Ông Đào Tất M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q, bởi vì ông Đào Tất M đã trả số tiền gốc, lãi cho ông Phạm Bá Q với tổng số tiền 47.570.000 (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn) đồng và hiện còn nợ số tiền lãi là 4.270.000 (Bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng. Ông Đào Tất M đồng ý trả tiền lãi suất còn lại cho ông Phạm Bá Q là 4.270.000 (Bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng.

**Ý kiến trình bày của bà Đào Thị T1 tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai:** Bà Đào Thị T1 đồng ý với ý kiến trình bày của ông Phạm Bá Q về quan hệ hôn nhân, về số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả, số tiền trả nợ. Bà Đào Thị T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q.

**Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị M1 tại biên bản lấy lời khai:** Bà Nguyễn Thị M1 đồng ý với ý kiến trình bày của ông Đào Tất M về quan hệ hôn nhân, về số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả, số tiền trả nợ. Bà Nguyễn Thị M1 không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q.

**Ý kiến trình bày của những người làm chứng:**

***+ Ý kiến trình bày của ông Nguyễn Đình C tại biên bản lấy lời khai:*** Buổi sáng ngày 26/6/2017 âm lịch, ông Nguyễn Đình C đến nhà ông Đào Tất M thì thấy ông Phạm Bá Q đang cầm một cục tiền, ông Nguyễn Đình C có hỏi ông Q là "Tiền ở mô mà nhiều rứa?", ông Q trả lời: "Tiền ông M trả". Sau khi nghe như thế thì ông Nguyễn Đình C cũng không hỏi gì thêm và không biết là ông Đào Tất M trả bao nhiêu tiền cho ông Phạm Bá Q; ông Nguyễn Đình C không biết ông Đào Tất M trả tiền cho ông Phạm Bá Q có liên quan đến khoản tiền vay nào, không biết gì về việc ông Q và ông M có thỏa thuận như thế nào về việc trả tiền vay gốc, lãi.

Ông Nguyễn Đình C không biết việc ông Đào Tất M vay của ông Phạm Bá Q số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng trong các ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch. Ông Nguyễn Đình C không biết việc trả nợ của ông Đào Tất M cho ông Phạm Bá Q đối với số tiền nêu trên như thế nào.

***+ Ý kiến trình bày của ông Đào Tất Nh tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa:*** Ngày 26/6/2017 âm lịch tại nhà ông Đào Tất M, ông Đào Tất Nh lúc đó đang ngồi uống nước cùng vợ chồng ông M – bà Mười, ông Phạm Bá Q, ông Nguyễn Hữu C1, ông Nguyễn Đình C thì ông Đào Tất Nh có nghe ông Phạm Bá Q nói với ông Đào Tất M: "Bây giờ tôi nhận của anh số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng". Ông Đào Tất Nh không biết được việc ông M giao số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho ông Phạm Bá Q thì có liên quan gì đến số tiền ông M vay của ông Q số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng vào các ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch. Việc ông M và ông Q có lập biên bản thỏa thuận hay biên bản giao nhận tiền ngày 26/6/2017 âm lịch hay không thì ông Nh không biết. Ông Nh không biết gì về việc ông M vay tiền và trả tiền vay cho ông Q đối với khoản tiền vay trong các ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch.

***+ Ý kiến trình bày của ông Nguyễn Hữu C1 tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa:*** Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 26/6/2017 âm lịch, ông Nguyễn Hữu C1 đang ngồi uống nước cùng vợ chồng ông M – bà Mười, ông Phạm Bá Q, ông Nguyễn Đình C thì thấy ông Phạm Bá Q trao đổi bằng lời nói với ông Đào Tất M, hai bên thống nhất nợ gốc và lãi suất còn lại là 14.270.000 (Mười bốn triệu, hai trăm bảy mươi nghìn) đồng; ông M trả tiền nợ gốc và lãi là 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho ông Phạm Bá Q; và ông M còn nợ tiền lãi suất của ông Q là 4.270.000 (Bốn triệu, hai trăm bảy mươi nghìn) đồng. Ông Nguyễn Hữu C1 không biết ông Q và ông M thống nhất tiền nợ gốc, lãi suất là 14.270.000 (Mười bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng thì liên quan đến khoản tiền vay nào giữa ông M và ông Q. Ông Nguyễn Hữu C1 không biết về

việc vay tiền, trả tiền vay giữa ông Đào Tất M và ông Phạm Bá Q đối với các khoản tiền vay ngày 11/4/2016 âm lịch, ngày 21/5/2016 âm lịch.

Tại phiên tòa và tại phần tranh luận: Ông Phạm Bá Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông Đào Tất M đối với yêu cầu trả tiền lãi suất của ông Phạm Bá Q.

Ông Đào Tất M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện về lãi suất tiền vay của ông Phạm Bá Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 280, 429, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q, buộc ông Đào Tất M, bà Nguyễn Thị M1 phải trả cho ông Phạm Bá Q – bà Đào Thị T1 số tiền nợ gốc còn lại là 7.490.000 (Bảy triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn) đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q về việc buộc ông Đào Tất M phải trả cho ông Phạm Bá Q tiền lãi suất là 20.087.000 (Hai mươi triệu, không trăm, tám mươi bảy nghìn) đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Bá Q. Buộc ông Đào Tất M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:** Bị đơn có địa chỉ ở xóm 4, xã Trù Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu trả lại tiền vay và tiền lãi suất, do đó đây là vụ án tranh chấp kiện đòi nợ. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị M1, bà Đào Thị T1, ông Nguyễn Đình C vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án thì bà Đào Thị T1 đã ủy quyền cho ông Phạm Bá Q, bà Nguyễn Thị M1 và ông Nguyễn Đình C đều đã có ý kiến trình bày đầy đủ và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của bà Đào Thị T1, bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Đình C tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

**[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**[3.1] Đối với nợ gốc:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 11/4/2016 âm lịch (Tức là ngày 17/5/2016 dương lịch) ông Đào Tất M vay số tiền 8.500.000 (Tám triệu, năm trăm nghìn) đồng của ông Phạm Bá Q. Ngày 21/5/2016 âm lịch (Tức là ngày 25/6/2016 dương lịch) ông Đào Tất M vay của Phạm Bá Q số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, sau 02 tháng trả cả lãi và gốc. Việc vay tiền có ghi vào sổ của ông Q và ông M ký tên trong sổ. Do đó Hội đồng xét xử xác định có việc ông Đào Tất M vay số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng của ông Phạm Bá Q vào các ngày 11/4/2016 âm lịch (là ngày 17/5/2016 dương lịch), ngày 21/5/2016 âm lịch (là ngày 25/6/2016 dương lịch), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, sau 02 tháng trả cả gốc và lãi.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn thì từ khi vay cho đến nay, ông Đào Tất M trả được số tiền 36.010.000 (Ba mươi sáu triệu, không trăm, mười nghìn) đồng, gồm:

+ Ngày 02/12/2016 âm lịch (Là ngày 30/12/2016 dương lịch): Hai bên thống nhất khấu trừ tiền đổ đất vào ao nhà ông Phạm Bá Q với số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng trừ vào tiền nợ gốc.

+ Khấu trừ 16.010.000 (Mười sáu triệu, không trăm, mười nghìn) đồng tiền đổ vật liệu xây dựng xây tường bao cho ông Q. Mặc dù nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn về thời gian nhưng tại phiên tòa đều thống nhất số tiền khấu trừ số tiền 16.010.000 (Mười sáu triệu, không trăm, mười nghìn) đồng vào tiền nợ gốc.

+ Ngày 26/6/2017 âm lịch (là ngày 19/7/2017 dương lịch) trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng: Ông Q cho rằng số tiền này là trừ vào nợ gốc. Ông M cho rằng lần này là chốt nợ gốc và lãi là còn 14.270.000 (Mười bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng, ông M trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền nợ gốc, lãi và còn nợ lãi suất là 4.270.000 (Bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng và cho rằng có những người làm chứng việc này nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của các nhân chứng là ông Nguyễn Đình C, ông Đào Tất Nh thì chỉ biết có việc ông M trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho ông Q chứ không biết hai bên có thỏa thuận gì về chốt nợ gốc, lãi đối với 02 khoản tiền vay nêu trên hay không. Ông Nguyễn Hữu C1 cũng chỉ nghe nói là hai bên thỏa thuận nợ gốc, lãi còn 14.270.000 (Mười bốn triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng và ông M đã trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng, còn nợ lãi 4.270.000 (Bốn triệu, hai trăm bảy mươi nghìn) đồng nhưng không biết hai bên có lập văn bản thỏa thuận và thỏa thuận đó có liên quan đến 02 khoản tiền vay ngày 11/4/2016 âm lịch, 21/5/2016 âm lịch hay không. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc hai bên có thỏa thuận chốt nợ gốc, lãi đối với hai khoản tiền vay trên và nguyên đơn cũng không đồng ý với các ý kiến trình bày của bị đơn, người làm chứng về việc có thỏa thuận chốt nợ gốc, lãi ngày 26/6/2017 âm lịch nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn về việc có thỏa thuận về chốt nợ gốc, lãi ngày 26/6/2017 âm lịch (Ngày 19/7/2017 dương lịch). Nhưng Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định ngày 26/6/2017

âm lịch (Ngày 19/7/2017 dương lịch) ông M đã trả cho ông Q số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng và được xem là trả vào tiền nợ gốc.

+ Ông Đào Tất M cho rằng ngày 10/12/2016 âm lịch (Là ngày 07/01/2017 dương lịch) đã trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc cho ông Phạm Bá Q nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lần trả tiền này và ông Q cũng không thừa nhận việc này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận ý kiến trình bày về việc trả tiền này của ông Đào Tất M.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền nợ gốc ông Đào Tất M đã trả cho ông Phạm Bá Q là 36.010.000 (Ba mươi sáu triệu, không trăm, mười nghìn) đồng trong tổng số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng mà Đào Tất M vay của vợ chồng ông Phạm Bá Q vào các ngày 11/4/2016 âm lịch (là ngày 17/5/2016 dương lịch), ngày 21/5/2016 âm lịch (là ngày 25/6/2016 dương lịch). Số tiền vay gốc còn nợ là 7.490.000 (Bảy triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn) đồng.

Theo lời khai của ông Phạm Bá Q, bà Đào Thị T1 thì số tiền mà ông Phạm Bá Q cho vay là tiền vợ chồng tích góp mà có.

Theo lời khai của ông Đào Tất M, bà Nguyễn Thị M1 thì số tiền ông Đào Tất M vay từ ông Phạm Bá Q được sử dụng cho việc kinh doanh của gia đình và việc ông M trả tiền nợ có sử dụng tiền kinh doanh của gia đình; bà Mười biết việc vay tiền, trả tiền nợ cho ông Q.

Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần buộc vợ chồng ông Đào Tất M – bà Nguyễn Thị M1 phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Bá Q – bà Đào Thị T1 số tiền nợ gốc còn lại là 7.490.000 (Bảy triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn) đồng.

**[3.2] Đối với lãi suất:** Ông Phạm Bá Q khởi kiện yêu cầu buộc ông Đào Tất M trả tiền lãi suất là 20.087.000 (Hai mươi triệu, không trăm, tám mươi bảy nghìn) đồng.

Ngày 15/8/2023, ông Đào Tất M nạp đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q về việc buộc ông Đào Tất M trả tiền lãi suất là 20.087.000 (Hai mươi triệu, không trăm, tám mươi bảy nghìn) đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 11/4/2016 âm lịch (Ngày 17/5/2016 dương lịch) và ngày 21/5/2016 âm lịch (Ngày 25/6/2016 dương lịch), hai bên có thỏa thuận vay tiền với lãi suất 1,5%/tháng và sau 02 tháng trả cả gốc và lãi. Như vậy tính đến ngày 11/6/2016 âm lịch và ngày 21/7/2016 âm lịch thì ông Phạm Bá Q được quyền yêu cầu ông Đào Tất M thanh toán cả gốc, lãi đối với hai khoản vay nêu trên. Nhưng đến thời hạn phải trả cho đến khi nạp đơn khởi kiện, hai bên không có thỏa thuận mới về gốc, lãi và ông Q cũng không khởi kiện để yêu cầu ông Đào Tất M trả lãi suất.

Tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*".

Thỏa thuận vay tiền giữa hai bên có lập thành văn bản, có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Do đó từ thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với lãi suất tiền vay đến thời điểm nạp đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi suất.

Xét thấy bị đơn nạp đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện về tiền lãi suất trước thời điểm Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 1, 3 Điều 218 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q đối với yêu cầu buộc ông Đào Tất M phải trả tiền lãi suất là 20.087.000 (Hai mươi triệu, không trăm, tám mươi bảy nghìn) đồng.

**[4] Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn là người trên 60 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn nạp án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền lãi suất không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 1, 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đào Tất M, bà Nguyễn Thị M1 phải trả cho ông Phạm Bá Q, bà Đào Thị T1 số tiền nợ gốc còn lại là 7.490.000 (Bảy triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn) đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá Q về việc đề nghị buộc ông Đào Tất M phải trả tiền lãi là 20.087.000 (Hai mươi triệu, không trăm, tám mươi bảy nghìn) đồng.

Nguyên đơn không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu trả tiền lãi suất.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí: Buộc ông Đào Tất M phải chịu 374.500 (Ba trăm, bảy mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nạp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Bá Q.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Đào Thị T1, bà

Nguyễn Thị M1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Hà**